TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS - ST

Ngày: 18/8/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Ngọ** và bà **Hoàng Thị Thanh Tú**

Thư ký phiên toà: Ông **Bảo Thanh Toàn** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Âu Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST - HS, ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST – HS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **HOÀNG HỮU Q**, sinh ngày: 15/6/1977 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn BĐ, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Hữu H (tên gọi khác: Hoàng Trọng D) (đã chết) và con bà: Hoàng Thị T; Có vợ là: Vi Thị C và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

2. **ÂU ĐÌNH T**, sinh ngày: 09/10/1972 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn BC, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Âu Đình H và con bà: Mông Thị V; Có vợ là: Lý Thị Đ và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

3. **NGUYỄN VĂN H1**, sinh ngày: 10/10/1979 tại xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn CT, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T; Có vợ là: Hoàng Thị D và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

4. **ĐẶNG TIẾN C**, sinh ngày: 28/10/1985 tại xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Phúc D và con bà: Hoàng Thị G; Có vợ là: Lý Thị K và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

5. **HOÀNG PHÚC H2**, **s**inh ngày: 24/4/1991 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Hữu T và con bà: Lê Thị L; Có vợ là: Đặng Thị X và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà

6. **TRIỆU KIM T1**, **s**inh ngày: 09/10/1969 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Nguyên L và con bà: Đặng Thị B (đều đã chết); Có vợ là: Triệu Thị S và có 03 (Ba) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

7. **HOÀNG HỮU L**, **s**inh ngày: 27/10/1971 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn P và Con bà: Hoàng Thị B (đều đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020, được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tiếp đó được tại ngoại. Ngày 17/8/2021 bị bắt theo quyết định truy nã của cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, tạm giam cho đến nay có mặt tại phiên toà.

8. **MẠN VĂN H3**, **s**inh ngày: 05/5/1986 tại xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn NT, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mạn Văn L (đã chết) và Con bà: Lường Thị L1; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

9. **TRIỆU KIM T2**, **s**inh ngày: 01/9/1975 tại thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: Tổ 02, phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Khánh Th và Con bà: Triệu Thị A (đã chết); Có vợ là: Hoàng Thị H và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020 được huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

10. **TRIỆU PHÚC T3**, **s**inh ngày: 10/01/1991 tại xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: Tổ 02, phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Hữu P và Con bà: Bàn Thị H; Có vợ là: Triệu Thị Ph và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà

11. **TRIỆU VĂN T4**, **s**inh ngày: 03/01/1973 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 0; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Phúc K và Con bà: Triệu Thị T; Có vợ là: Trần Thị H và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà

12. **LÈNG VĂN T5**, **s**inh ngày: 20/6/1989 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn BC, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lèng Văn C (đã chết) và Con bà: Hà Thị T; Có vợ là: Nông Thị H và có 02 (Hai) con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Lý Thị V1, sinh năm 1993

- Chị Đặng Thị H4, sinh năm 1988

- Anh Triệu Phúc V2, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Hoàng Hữu V3, sinh năm 1974 .

Trú tại: thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên toà – đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người tham gia tố tụng khác:***

- Những người làm chứng:

+ Chị Hoàng Thị T5, sinh năm 1965;

+ Chị Bàn Thị X, sinh năm 1985;

+ Chị Triệu Thị V4, sinh năm 1974;

Cùng trú tại: thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà)

**** Những người được HĐXX triệu tập đến tham gia phiên toà:***

- Ông Nguyễn Tiến H: Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Ông Phạm Văn T: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/5/2020, sau khi dự đám cưới của gia đình nhà ông Hoàng Phúc T trú tại thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, các đối tượng gồm: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C và Triệu Phúc V2 cùng nhau đi đến ngôi nhà để hoang của ông Lường Văn D (SN 1966), cách rạp đám cưới khoảng 50 mét với mục đích đánh bạc. Trước khi đi đến ngôi nhà hoang, tại trước cổng rạp đám cưới, đường đi lên ngôi nhà hoang, Q được một người đàn ông trạc 30 tuổi (không rõ tên, tuổi và địa chỉ) đưa cho 04 quân vị làm bằng thân cây tre, một mặt màu trắng, một mặt màu đen, sau đó Q cầm 04 quân vị này lên ngôi nhà hoang và sử dụng để chơi bạc dưới hình thức *"xóc đĩa"*. Khi đi vào bên trong ngôi nhà hoang thì mọi người nhìn thấy một chiếc chiếu nhựa màu xanh trải trên nền đất, trên chiếu có 01 chiếc đĩa và 01 chiếc bát bằng sứ, Q cho 04 quân vị mình cầm theo vào bên trong lòng đĩa, úp bát lên và tiến hành xóc cái, cùng mọi người

chơi bạc. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì tiếp tục có những người cùng đến tham gia đánh bạc, gồm: Triệu Kim T1, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Hoàng Phúc H2 và Hoàng Hữu V3. Chơi bạc đến khoảng 14 giờ 20 phút thì Q hết tiền và bỏ về trước, lúc này Triệu Kim T2 làm người xóc cái và tiếp tục sử dụng bộ bát đĩa và quân vị trước đó để làm dụng cụ xóc cái. Mọi người chơi bạc đến khoảng 15 giờ thì tiếp tục có Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đến cùng chơi, sau đó V2, V3 hết tiền và bỏ về trước.

Các bị cáo chơi bạc với hình thức như sau: Số lượng người tham gia đánh bạc không hạn chế; Người cầm cái cho 04 quân vị vào 01 chiếc đĩa sứ, sau đó úp chiếc bát sứ lên trên che kín 04 quân vị, rồi xóc đi, xóc lại bộ bát đĩa làm 04 quân vị bên trong thay đổi vị trí và màu sắc. Sau mỗi lần xóc cái (một ván bạc) thì những người tham gia đánh bạc sẽ đặt tiền ở hai cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo lựa chọn của từng người (cửa chẵn, lẻ đã được quy ước trước). Nếu cược chẵn thì sẽ để tiền phía bên tay phải của người cầm cái, cược lẻ thì sẽ để tiền phía bên tay trái của người cầm cái. Căn cứ vào ván bạc chẵn hay lẻ sau khi mở bát để xác định người thắng, người thua trong ván bạc đó. Bạc chẵn là khi mở bát có 04 quân bài màu đen hoặc 04 quân bài màu trắng hoặc 02 quân bài màu trắng, 02 quân bài màu đen ngửa lên. Bạc lẻ là khi mở bát trong 04 quân bài có 03 quân bài màu trắng, 01 quân bài màu đen hoặc có 03 quân bài màu đen, 01 quân bài màu trắng ngửa lên. Người cầm cái chỉ là người xóc đĩa hộ và kiểm tra hộ những người chơi, những người chơi tự cá cược với nhau, ai kết bên nào thì đặt bên đó, nếu mở bát là lẻ thì bên chẵn bị mất cho người đặt bên lẻ. Đối với người cầm cái thì cũng chơi như người khác, không làm chủ, không thu lợi nhuận. Mỗi ván bạc người chơi đặt tiền để tham gia chơi ít nhất là 10.000đ, nhiều nhất là 200.000đ, nhưng chủ yếu là 50.000đ.

Quá trình đánh bạc còn có nhiều người khác tham gia đánh bạc nhưng các đối tượng không rõ cụ thể là ai, bao nhiêu người, chơi đến khi nào. Tại nơi đánh bạc có bà Hoàng Thị T5 (SN 1965), Bàn Thị X (SN 1985), Triệu Thị V4 (SN 1974) cùng trú tại thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có mặt ở đó xem, chứng kiến sự việc và còn có những người khác, nhưng không xác định được cụ thể là ai. Hành vi *"Đánh bạc"* của các bị cáo là tự phát, không có ai tổ chức. Các đối tượng chơi bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang. Quá trình bắt giữ có nhiều người bỏ chạy khỏi chiếu bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ được 06 người, gồm: Triệu Kim T2, Đặng Tiến C, Triệu Kim T1, Nguyễn Văn H1, Âu Đình T và Hoàng Hữu L, những người khác bỏ chạy khỏi chiếu bạc. Tại chiếu bạc thu giữ số tiền 5.880.000^{đ} (năm triệu, tám trăm tám mươi mươi nghìn đồng), 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tre, 01 chiếc chiếu. Quá trình điều tra còn thu giữ của các bị cáo một số tài sản khác.

Từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/5/2020 Triệu Văn T4, Lèng Văn T5, Mạn Văn H3, Triệu Phúc T3, Hoàng Hữu Q, Hoàng Phúc H2, Triệu Phúc V2 và Hoàng

Hữu V3 đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Mới đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc của mình.

Tại Cơ quan điều tra, 10 bị cáo gồm: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Triệu Kim T1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều tỏ ra thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi của mình về thời gian, địa điểm, cách thức và số tiền chơi bạc như đã nêu ở trên.

Đối với lời khai của Hoàng Hữu L còn có những điểm mâu thuẫn, lúc thì thừa nhận được đánh bạc 01 ván là 10.000 đồng, số tiền 560.000đ bị thu giữ là tiền dùng vào việc đánh bạc. Nhưng có lúc lại không thừa nhận được đánh bạc, chỉ thừa nhận có mặt tại nơi đánh bạc, nhưng chỉ xem mọi người đánh bạc, số tiền 560.000đ không dùng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, các bị cáo Âu Đình T, Lèng Văn T5, Nguyễn Văn H1, Triệu Kim T1, Triệu Văn T4 và anh Triệu Phúc V2 đều khai nhận và khẳng định L có tham gia chơi bạc, chơi đến khi công an đến bắt quả tang và thực tế L đã bị bắt tại nơi đánh bạc. Ngoài ra, Đặng Tiến C, Triệu Kim T2 cũng khai nhận có nhìn thấy L cầm tiền, đứng lên cúi xuống, đi lại tại chiếu bạc.

Đối với Hoàng Phúc H2, khi ra đầu thú và tại giai đoạn truy tố lần 1, H2 khai nhận có tham gia đánh bạc và mang 100.000đ để đánh bạc, H2 chơi đến khi Công an đến bắt quả tang, khi đó H2 lo sợ nên đã bỏ chạy về rạp đám cưới. Lời khai nhận này của H2 là phù hợp với lời khai của các bị cáo Triệu Văn T4, Đặng Tiến C và một số lời khai của bị cáo Lèng Văn T5, Mạn Văn H3, Âu Đình T và các bị cáo đều khẳng định H2 chơi bạc đến khi Công an đến bắt thì mới bỏ chạy. Tuy nhiên, sau đó H2 đã thay đổi lời khai và chỉ thừa nhận được tham gia đánh bạc, H2 chỉ chơi 02 ván và thua hết tiền, và bỏ về trước khi Công an đến bắt quả tang, không thừa nhận là chơi đến cuối cùng. Trong giai đoạn này H2 có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau, cụ thể như: Lúc thì H2 khai, đã bỏ về rạp đám cưới dọn dẹp, khi đứng tại bếp của rạp đám cưới thì nhìn thấy Công an đến bắt; lúc thì khai, sau khi nghỉ chơi được một lúc thì Công an đến bắt; Lúc thì khai, bỏ về rạp đám cưới một lúc sau thì Công an đến bắt; lúc thì khai, bỏ về trước từ lúc 14 giờ 30 phút và về nhà ngủ, không chứng kiến sự việc Công an đến bắt; Lúc thì khai bỏ về trước khoảng 05 phút, sau đó Công an đến bắt. Quá trình điều tra không có ai nhìn thấy và xác định H2 bỏ về trước.

Hoàng Hữu V3 và Triệu Phúc V2 khai nhận, V2 và V3 có được tham gia đánh bạc. V3 đến chỗ đánh bạc lúc khoảng 14 giờ và xin được 200.000đ, V3 chơi được khoảng 15 đến 20 phút thì thua hết. V2 đến chỗ đánh bạc lúc khoảng hơn 12 giờ và mang theo 50.000đ để đánh bạc, lúc đến thì thấy Q là người xóc cái, V2 chơi được khoảng 10 phút thì bị thua hết. Sau khi thua hết tiền V2 và V3 đã bỏ về trước. Lời khai của V2 và V3 là phù hợp với lời khai của các bị cáo Hoàng Phúc H2, Âu Đình T; Tuy nhiên, Triệu Văn T4 thì khai nhận V2 và V3 có chơi bạc và chơi đến khi Công an đến bắt quả tang thì V2 và V3 mới bỏ chạy, có lúc lại khai

không biết V2, V3 về lúc nào; Đặng Tiến C khai nhận, không quen biết V2, còn V3 có chơi bạc và chơi đến khi Công an đến bắt quả tang thì V3 mới bỏ chạy, có lúc lại khai không quen biết 02 người này, không biết V2, V3 có chơi bạc hay không và về lúc nào. Đối với lời khai này của T4 và C nhiều điểm còn mâu thuẫn, chưa rõ ràng, chưa phù hợp với lời khai của V3, V2 và những chứng cứ khác; Còn các bị cáo khác khai nhận, người thì không quen biết V2, người thì không quen biết V3, người thì thấy V2, V3 đánh bạc nhưng không biết về lúc nào, người thì không biết V2, V3 có tham gia đánh bạc không.

Các bị cáo còn khai nhận, tổng số tiền của cả 12 bị cáo và của V3, V2 được mang đi và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 2.600.000đ, trong đó: Triệu Kim T1 có 150.000đ, Hoàng Hữu V3 có 200.000đ, Triệu Phúc V2 có 50.000đ, Âu Đình T có 200.000đ, Đặng Tiến C có 470.000đ, Hoàng Hữu Q có 300.000đ, Hoàng Phúc H2 có 100.000đ, Lèng Văn T5 có 150.000đ, Mạn Văn H3 có 200.000đ, Nguyễn Văn H1 có 80.000đ, Triệu Kim T2 có 350.000đ, Triệu Phúc T3 có 200.000đ, Triệu Văn T4 có 150.000đ.

Triệu Kim T2 khai nhận số tiền 1.008. 000đ bị tạm giữ là của T2, không dùng vào việc đánh bạc; Âu Đình T khai nhận số tiền 42.000đ bị tạm giữ là tiền của T, không dùng vào việc đánh bạc; Hoàng Hữu L khai nhận số tiền 560.000đ bị tạm giữ là tiền của L, không dùng vào việc đánh bạc; Triệu Kim T1 khai nhận số tiền 2.010.000đ bị tạm giữ là tiền của con dâu gửi T1 đóng tiền ăn cho cháu, không sử dụng vào việc đánh bạc; Triệu Phúc T3 khai nhận, khi bỏ chạy T3 có cầm theo 150.000đ là số tiền T3 dùng để đánh bạc, hiện nay T3 đã tiêu sài hết; Đặng Tiến C khai nhận số tiền 445.000đ bị tạm giữ là tiền của C, dùng để đánh bạc; Mạn Văn H3 khai nhận khi bỏ chạy khỏi chiếu bạc H3 đã cầm theo 50.000đ và bị rơi mất, số tiền trên là H3 có ý định dùng vào việc đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số: 16 /CT - VKSCM, ngày 28 tháng 4 năm 2021 và tại công văn số 705/CV – VKS ngày 18/8/2021 về việc sửa đổi, bổ sung cáo trạng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1, Điều 321/BLHS.

*** Điều luật có nội dung:**

"*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*" …

Tại phiên toà:

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều phạm tội "Đánh bạc".

I. Về hình phạt chính:

1. Đối với các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5, Hoàng Phúc H2: đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS, xử phạt:

+ Hoàng Hữu Q:

+ Âu Đình T:

+ Nguyễn Văn H1:

+ Mạn Văn H3:

+ Triệu Kim T2:

+ Triệu Phúc T3:

+ Triệu Văn T4:

+ Lèng Văn T5:

+ Hoàng Phúc H2:

(mỗi bị cáo từ 06 - 08 tháng cải tạo không giam giữ);

2. Đối với các bị cáo: Đặng Tiến C, Triệu Kim T1: đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, Điều 51/BLHS, xử phạt:

+ Đặng Tiến C:

+ Triệu Kim T1:

(mỗi bị cáo từ 07 - 09 tháng cải tạo không giam giữ);

3. Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5, Hoàng Phúc H2, Đặng Tiến C, Triệu Kim T1.

4. Đối với bị cáo: Hoàng Hữu L: đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 321; Điều 38; các điểm i, khoản 1, Điều 51/BLHS, xử phạt bị cáo L: 06 đến 09 tháng tù.

II. Về hình phạt bổ sung:

1. Đối với các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Triệu Kim T2, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5, Hoàng Phúc H2, Đặng Tiến C, Hoàng Hữu L: đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 321/BLHS, phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

2. Đối với các bị cáo: Triệu Kim T1 do là hộ nghèo; Mạn Văn H3, Triệu Phúc T3 đều không có tài sản; nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền" đối với các bị cáo T1, H3, T3.

III. Về vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt để nguyên; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,6 x 02 mét, có nhiều hoa văn, đã cũ, bị rách; 01 ví màu nâu, đã qua sử dụng của Triệu Kim T2; 01 ví đã qua sử dụng của Đặng Tiến C; 01 ví da màu nâu đen, đã qua sử dụng của Âu Đình T; 01 thẻ sim của Triệu Kim T1; 02 thẻ sim của Triệu Kim T2; 02 thẻ sim của Đặng Tiến C; 01 thẻ sim của Nguyễn Văn H1.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 6.325.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là tiền đánh bạc, trong đó có 5.880.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu D là tiền thu giữ tại chiếu bạc, 445.000đ là tiền thu giữ của Đặng Tiến C dùng vào việc đánh bạc

- Truy thu đối với Triệu Phúc T3 để sũng quỹ nhà nước số tiền 150.000đ.

- Truy thu đối với Mạn Văn H3 để sũng quỹ nhà nước số tiền 50.000đ.

- Trả lại cho Triệu Kim T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đỏ, đã qua sử dụng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2).

- Số tiền 2.010.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1: thu giữ của Triệu Kim T1, trong đó:

+ Trả lại cho chị Đặng Thị H4 số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

+ Trả lại cho chị Lý Thị V1 số tiền: 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng).

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh đen, đã qua sử dụng và số tiền 1.008.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C1: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T2.

- Trả lại cho Triệu Kim T2: 01 đăng ký xe mô tô BKS 97F6 - 4906 mang tên Triệu Hữu D, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 97F7 - 1659 mang tên Bàn Chàn P (Số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu C2).

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, đã qua sử dụng: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

- Trả cho Đặng Tiến C: 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Tiến B được niêm phong trong phong bì ký hiệu C5.

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo, màu trắng, đã qua sử dụng (số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1): để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H1.

- Tạm giữ: Số tiền 42.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Tạm giữ: Số tiền 560.000đ, được niêm phong trong phong bì có ký tên của Hoàng Hữu L và Hà Văn Th: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L.

* Các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Triệu Kim T1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như viện kiểm sát đã truy tố.

* Bị cáo Hoàng Hữu L không thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc, bị cáo khẳng định bị cáo không có hành vi đánh bạc, chỉ đứng ở đó xem và bị bắt, bị oan.

* Bị cáo H2 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình như viện kiểm sát đã truy tố. H2 khẳng định H2 được tham gia đánh bạc cho đến khi Công an đến bắt quả tang, khi đó H2 lo sợ nên đã bỏ chạy về rạp đám cưới. Trước đây H2 khai không thống nhất, thay đổi lời khai là vì lo sợ nên mới khai như vậy. H2 khẳng định lời khai tại phiên toà là chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Vì mục đích lợi nhuận, khoảng 13 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 21/5/2020, tại căn nhà bỏ hoang của gia đình ông Lường Văn D thuộc thôn KN, xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4 và Lèng Văn T5 đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức *"xóc đĩa"* được thua bằng tiền, trong đó Hoàng Hữu Q còn có hành vi chuẩn bị 04 quân vị để làm công cụ đánh bạc. Khi các bị cáo đang thực hiện hành vi *"Đánh bạc"* thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.880.000đ. Ngoài ra, còn thu giữ của Đặng Tiến C số tiền là 445.000đ là số tiền mà bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Quá trình điều tra còn xác định được số tiền 150.000đ của Triệu Phúc T3 là tiền dùng vào việc đánh bạc, khi T3 bỏ chạy cầm theo và nay đã tiêu sài hết và số tiền 50.000đ của Mạn Văn H3 là tiền dùng vào việc đánh bạc, khi bỏ chạy cầm theo và bị rơi mất. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.525.000đ (sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hành vi *"Đánh bạc"* của các bị cáo là tự phát, không có ai tổ chức.

[3] Về hình thức đánh bạc: số lượng người tham gia đánh bạc không hạn chế; Người cầm cái cho 04 quân vị vào 01 chiếc đĩa sứ, sau đó úp chiếc bát sứ lên trên che kín 04 quân vị, rồi xóc đi, xóc lại bộ bát đĩa làm 04 quân vị bên trong thay đổi vị trí và màu sắc. Sau mỗi lần xóc cái (một ván bạc) thì những người tham gia đánh bạc sẽ đặt tiền ở hai cửa chẵn hoặc lẻ tùy theo lựa chọn của từng người (cửa

chẵn, lẻ đã được quy ước trước). Nếu cược chẵn thì sẽ để tiền phía bên tay phải của người cầm cái, cược lẻ thì sẽ để tiền phía bên tay trái của người cầm cái. Căn cứ vào ván bạc chẵn hay lẻ sau khi mở bát để xác định người thắng, người thua trong ván bạc đó. Bạc chẵn là khi mở bát có 04 quân bài màu đen hoặc 04 quân bài màu trắng hoặc 02 quân bài màu trắng, 02 quân bài màu đen ngửa lên. Bạc lẻ là khi mở bát trong 04 quân bài có 03 quân bài màu trắng, 01 quân bài màu đen hoặc có 03 quân bài màu đen, 01 quân bài màu trắng ngửa lên. Người cầm cái chỉ là người xóc đĩa hộ và kiểm tra hộ những người chơi, những người chơi tự cá cược với nhau, ai kết bên nào thì đặt bên đó, nếu mở bát là lẻ thì bên chẵn bị mất cho người đặt bên lẻ. Đối với người cầm cái thì cũng chơi như người khác, không làm chủ, không thu lợi nhuận. Mỗi ván bạc người chơi đặt tiền để tham gia chơi ít nhất là 10.000đ, nhiều nhất là 200.000đ, nhưng chủ yếu là 50.000đ.

Lời khai nhận của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với Hoàng Hữu L: Quá trình điều tra, truy tố lời khai còn có những điểm mâu thuẫn, lúc thì thừa nhận được đánh bạc 01 ván là 10.000 đồng, số tiền 560.000đ bị thu giữ là tiền dùng vào việc đánh bạc. Nhưng có lúc lại không thừa nhận được đánh bạc, chỉ thừa nhận có mặt tại nơi đánh bạc, nhưng chỉ xem mọi người đánh bạc, số tiền 560.000đ không dùng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, các bị cáo Âu Đình T, Lèng Văn T5, Nguyễn Văn H1, Triệu Kim T1, Triệu Văn T4 và anh Triệu Phúc V2 đều khai nhận và khẳng định L có tham gia chơi bạc, chơi đến khi công an đến bắt quả tang và thực tế L đã bị bắt tại nơi đánh bạc; Ngoài ra, các bị cáo Đặng Tiến C, Triệu Kim T2 cũng khai nhận có nhìn thấy L cầm tiền, đứng lên cúi xuống, đi lại tại chiếu bạc. Tại phiên toà: Hoàng Hữu L kêu oan, không thừa nhận hành vi đánh bạc, cho rằng chỉ đứng xem rồi bị bắt. Bị cáo cho rằng quá trình điều tra đối với các bản tự khai, tường trình, biên bản lấy lời khai mà bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc thì là do bị cáo bị kiểm sát viên Phạm Văn T ép khai trái với ý muốn, việc này có điều tra viên Nguyễn Tiến H biết và chứng kiến. Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 21/5/2020 L thừa nhận hành vi đánh bạc là do L bị Đặng Tiến C xui, mớm cung nên mới khai và trình bày như vậy; Ngoài ra lời khai của các bị cáo và những người làm chứng, liên quan đến vụ án khẳng định L đánh bạc thì L cho rằng không khách quan: L cho rằng L khai là họ đánh bạc thì đương nhiên họ phải khai là L đánh bạc. Tại phiên toà các bị cáo trong vụ án gồm Lèng Văn T5, Nguyễn Văn H1, Âu Đình T, Triệu Kim T1, Triệu Văn T4 đều khẳng định chắc chắn thấy L chơi bạc đến cuối cùng thì bị công an đến bắt, những người này không có mâu thuẫn thù oán gì với bị cáo L, L cũng thừa nhận không có mâu thuẫn thù oán gì đối với các bị cáo này. Đặng Văn C khẳng định không có việc C mớm cung, xui L khai như vậy vì trước đó C không biết L, không mâu

thuẫn gì với L, khi bị bắt đưa xuống nhà tạm giữ rồi thì C mới biết L. Điều tra viên Nguyễn Tiến H và Kiểm sát viên Phạm Văn T đều khẳng định việc tiến hành tố tụng đối với bị cáo L đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật, không có việc ép cung như bị cáp L khai. Ngoài lời khai của bị cáo L ra thì bị cáo không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Như vậy, xét thấy lời khai không thừa nhận về hành vi đánh bạc của L là không phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, không phù hợp với tình huống, diễn biến biến vụ việc, không có cơ sở, chính lời khai của L còn có sự mâu thuẫn, do vậy đủ cơ sở để đánh giá lời khai của L là không thành khẩn, nhằm chối tội.

[5] Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Hữu L, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1, điều 321/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6]Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự địa phương, làm cho tệ nạn cờ bạc ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây dư luận và ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

- Đối với bị cáo Hoàng Hữu Q: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Hữu H (tức: Hoàng Trọng D) là người có công với cách mạng được thưởng huân huy chương – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Triệu Phúc T3: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, bị cáo có ông nội là Triệu Chí T là người có công với cách mạng được thưởng huy chương – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Âu Đình T: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ là ông Âu Đình H là người có công với cách mạng được

thưởng huy chương và huy hiệu bảo vệ an ninh tổ quốc – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn C (tức: Nguyễn Mạnh C) là người có công với cách mạng được tặng huy hiệu Chiến sĩ trường sơn – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Mạn Văn H3: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Triệu Kim T2: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ là ông Triệu Khánh Th là người có công với cách mạng được thưởng huy chương kháng chiến – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Triệu Văn T4: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Lèng Văn T5: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Hoàng Phúc H2: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Hữu T được tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Đặng Tiến C: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Triệu Kim T1: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng – theo quy định tại các điểm s, i, khoản 1, điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo Hoàng Hữu L: nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng – theo quy định tại điểm i, khoản 1, điều 51/BLHS.

Các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự công cộng, có nơi cư trú rõ ràng, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, số tiền đánh bạc, hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng Điều 36/BLHS đối với các bị cáo cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, đủ sức răn đe, giáo dục, phòng ngừa. Đối với phần khấu trừ thu nhập, do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lao động tự do nên không có thu nhập ổn định - không có cơ sở để tính toán phần khấu trừ thu nhập, vì vậy Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Hữu L tuy phạm tội ít nghiêm trọng nhưng không thành khẩn, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, bị bắt theo quyết định truy nã, nên cần thiết bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới đảm bảo răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Xét vai trò của các bị cáo thấy: đây là vụ án có đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc trước, không có sự phân công, tổ chức, sắp xếp, không có người cảnh giới, thu hồ, như vậy vai trò của các bị cáo là như nhau, các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra bị cáo Q còn chuẩn bị 04 quân vị là công cụ phạm tội và trực tiếp xóc cái; Triệu Kim T2 là người trực tiếp xóc cái. HĐXX sẽ căn cứ vào vai trò của các bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Vật chứng:

- 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt để nguyên; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,6 x 02 mét, có nhiều hoa văn, đã cũ, bị rách; 01 ví màu nâu, đã qua sử dụng của Triệu Kim T2; 01 ví đã qua sử dụng của Đặng Tiến C; 01 ví da màu nâu đen, đã qua sử dụng của Âu Đình T; 01 thẻ sim của Triệu Kim T1; 02 thẻ sim của Triệu Kim T2; 02 thẻ sim của Đặng Tiến C; 01 thẻ Sim của Nguyễn Văn H1: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu huỷ.

- Số tiền: 6.325.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là tiền đánh bạc, trong đó có: 5.880.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu D là

tiền thu giữ tại chiếu bạc, 445.000đ là tiền thu giữ của Đặng Tiến C dùng vào việc đánh bạc: tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Truy thu đối với Triệu Phúc T3 để sũng quỹ nhà nước số tiền 150.000đ là tiền đánh bạc.

- Truy thu đối với Mạn Văn H3 để sũng quỹ nhà nước số tiền 50.000đ là tiền đánh bạc.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đỏ, đã qua sử dụng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2): trả lại cho Triệu Kim T1.

- Số tiền 2.010.000đ thu giữ của Triệu Kim T1 được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1: Quá trình điều tra xác minh được đây là tiền của chị Đặng Thị H4 (1.000.000đ) và chị Lý Thị V1 (1.010.000đ). Trước thời điểm bị cáo T1 bị bắt thì chị H4 và chị V1 có đưa cho bị cáo T1 khoản tiền này để nhờ bị cáo T1 đi đóng tiền học cho con hộ chị H4 và chị V1 (Vì chị H4 và chị V1 đều là con dâu của bị cáo T1). Chị H4 và chị V1 đều có nguyện vọng được xin lại khoản tiền này. Chị H4 và chị V1 đều vắng mặt tại phiên toà nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị H4 và chị V1 vẫn giữ nguyên ý kiến được xin lại khoản tiền này. Lời khai của bị cáo T1 và những người có quyền lợi liên quan Đặng Thị H4 và Lý Thị V1 là phù hợp nhau, phù hợp với nội dung vụ án, nên cần thiết trả lại khoản tiền này cho chủ sở hữu hợp pháp (chị H4, chị V1) là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh đen, đã qua sử dụng và số tiền 1.008.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C1: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T2.

- 01 (Một) đăng ký xe mô tô BKS 97F6 - 4906 mang tên Triệu Hữu D, 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 97F7 - 1659 mang tên Bàn Chàn P (Số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu C2): Quá trình điều tra xác định được các giấy đăng ký xe mô tô này là đăng ký xe của 02 chiếc xe mà Triệu Kim T2 đã mua với Triệu Hữu D, Bàn Chàn P – xe không phải là tang vật trong vụ án nào, do vậy xác định đây là đồ vật thuộc quyền sở hữu của Triệu Kim T2 nên cần trả lại cho Triệu Kim T2.

- 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Tiến B được niêm phong trong phong bì ký hiệu C5: Quá trình điều tra xác định được giấy đăng ký xe mô tô này là đăng ký xe của chiếc xe mà Đặng Tiến C đã mua với Đặng Tiến B – xe không phải là tang vật trong vụ án nào, do vậy xác định đây là đồ vật thuộc quyền sở hữu của Đặng Tiến C nên cần trả lại cho Đặng Tiến C.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, đã qua sử dụng: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo, màu trắng, đã qua sử dụng (số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1): tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H1.

- Số tiền 42.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Số tiền 560.000đ được niêm phong trong phong bì có ký tên của Hoàng Hữu L và Hà Văn Th: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L.

[10] Trong vụ án này có Hoàng Hữu V3 và Triệu Phúc V2 đã có hành vi *"Đánh bạc"*. Tuy nhiên, V3 và V2 đã dừng chơi và bỏ về trước đó, tại thời điểm V2 và V3 chơi bạc không xác định được số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trước và sau khi V3 và V2 bỏ về, ngoài các bị cáo trong vụ án ra, tại chiếu bạc còn có nhiều người khác tham gia đánh bạc, nhưng không có đủ căn cứ để xác định là ai, bao nhiêu người, tham gia đánh bạc đến khi nào, vào thời điểm nào, trước hay sau khi V3 và V2 bỏ về; Quá trình điều tra chỉ xác định được các bị cáo mang theo tổng số tiền là 2.600.000đ để dùng vào việc đánh bạc. Đối với số tiền thu giữ được trên chiếu bạc là 5.880.000đ, nhưng không xác định được cụ thể là của những ai. Do vậy, không có cơ sở chứng minh sau khi V3 và V2 dừng chơi bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tăng lên hay giữ nguyên, có người mới đến tham gia đánh bạc hay không. Xét thấy, không có căn cứ để xác định V3 và V2 phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền 5.880.000đ dùng vào việc đánh bạc mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ được trên chiếu bạc tại thời điểm bắt quả tang. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự, mà chỉ xử phạt vi phạm hành chính đối với V3 và V2 là đúng quy định của pháp luật.

[11] Quá trình đánh bạc, các bị cáo sử dụng địa điểm là ngôi nhà bỏ hoang của gia đình ông Lường Văn D. Tuy nhiên, ông D và gia đình không biết các bị cáo đánh bạc ở đó, việc các bị cáo đánh bạc tại đó là tự ý, không hỏi ý kiến ông D và gia đình. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với ông D xét thấy là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với số tiền 1.008.000đ của Triệu Kim T2, 560.000đ của Hoàng Hữu L, 42.000đ của Âu Đình T và 2.010.000đ của Triệu Kim T1 mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ. Quá trình điều tra các bị cáo đều không thừa nhận sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc. Xét thấy không có căn cứ để xác định số tiền này được sử dụng vào mục đích đánh bạc là phù hợp với thực tế.

[13] Trên cơ sở xem xét tính chất hành vi của các bị cáo và khả năng thi hành đối chiếu với quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền" đối với các bị cáo có tài sản, có điều kiện để thi hành thì mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa theo quy định tại khoản 3, điều 321/BLHS (Gồm các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Triệu Kim T2, Triệu Văn T4,

Lèng Văn T5, Đặng Tiến C, Hoàng Hữu L, Hoàng Phúc H2), tuy nhiên có xem xét mức độ hoàn cảnh của các bị cáo để việc thi hành án được thuyết phục và khả thi.

Đối với các bị cáo hồ sơ vụ án thể hiện không có tài sản, là hộ nghèo, việc áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền" không khả thi nên HĐXX không áp dụng, gồm các bị cáo: Triệu Phúc T3, Mạn Văn H3, Triệu Kim T1.

Việc thi hành án khoản tiền phạt được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[14] Các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Đối với bị cáo Triệu Kim T1 là hộ nghèo, xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho bị cáo T1 theo quy định tại Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Triệu Kim T1, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 đều phạm tội: "Đánh bạc".

II. Về hình phạt:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Hoàng Hữu Q: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Hữu Q cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Q có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Q. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Hoàng Hữu Q.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Hoàng Hữu Q: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Âu Đình T: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo T còn phải thi hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Âu Đình T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Âu Đình T.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Âu Đình T: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Nguyễn Văn H1: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H1 còn phải thi hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H1. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn H1.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Nguyễn Văn H1: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Đặng Tiến C: 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo C còn phải thi hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng Tiến C cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo C. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đặng Tiến C.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Đặng Tiến C: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

5. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Hoàng Phúc H2: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Phúc H2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H2. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Hoàng Phúc H2.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Hoàng Phúc H2: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

6. Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Triệu Kim T1: 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo T1 còn phải thi hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Triệu Kim T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T1. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Triệu Kim T1.

7. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 38; điểm i, khoản 1, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Hoàng Hữu L: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17.8.2021. Bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 21/5/2020 đến ngày 30/5/2020.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Hoàng Hữu L: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

8. Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Mạn Văn H3: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo

dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Mạn Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H3 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H3. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Mạn Văn H3.

9. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Triệu Kim T2: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ) = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo T2 còn phải thi hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Triệu Kim T2 cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T2 có trách nhiệm phối hợp với UBND phường X trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T2. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Triệu Kim T2.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Triệu Kim T2: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

10. Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Triệu Phúc T3: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Triệu Phúc T3 cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T3 có trách nhiệm phối hợp với UBND phường X trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T3. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Triệu Phúc T3.

11. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Triệu Văn T4: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Triệu Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị

cáo T4 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T4. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Triệu Văn T4.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Triệu Văn T4: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

12. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3, Điều 321; Điều 36; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Xử phạt: Lèng Văn T5: 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lèng Văn T5 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T5 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T5. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án dân sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lèng Văn T5.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Lèng Văn T5: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

III. Về vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt để nguyên; 01 chiếc chiếu nhựa kích thước 1,6 x 02 mét, có nhiều hoa văn, đã cũ, bị rách; 01 ví màu nâu, đã qua sử dụng của Triệu Kim T2; 01 ví đã qua sử dụng của Đặng Tiến C; 01 ví da màu nâu đen, đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C4 của Âu Đình T; 01 thẻ sim của Triệu Kim T1; 02 thẻ sim của Triệu Kim T2; 02 thẻ sim của Đặng Tiến C; 01 thẻ sim của Nguyễn Văn H1.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 6.325.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó có: 5.880.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu D là tiền thu giữ tại chiếu bạc, 445.000đ là tiền thu giữ của Đặng Tiến C dùng vào việc đánh bạc.

- Truy thu đối với Triệu Phúc T3 số tiền 150.000đ để sũng quỹ nhà nước.

- Truy thu đối với Mạn Văn H3 số tiền 50.000đ để sũng quỹ nhà nước.

- Trả lại cho Triệu Kim T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đỏ, đã qua sử dụng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2).

- Số tiền 2.010.000đ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1, thu giữ của Triệu Kim T1, trong đó:

+ Trả lại cho chị Đặng Thị H4 1.000.000đ (Một triệu đồng)

+ Trả lại cho chị Lý Thị V1 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng).

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh đen, đã qua sử dụng và số tiền 1.008.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu C1: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T2.

- Trả lại cho Triệu Kim T2: 01 đăng ký xe mô tô BKS 97F6 - 4906 mang tên Triệu Hữu D, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 97F7 - 1659 mang tên Bàn Chàn P (Số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu C2).

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, đã qua sử dụng: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

- Trả cho Đặng Tiến C: 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đặng Tiến B được niêm phong trong phong bì ký hiệu C5.

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Leagoo, màu trắng, đã qua sử dụng (số vật chứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1): để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H1.

- Tạm giữ: Số tiền 42.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu C3: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

- Tạm giữ: Số tiền 560.000đ được niêm phong trong phong bì có ký tên của Hoàng Hữu L và Hà Văn Th: để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2021 giữa Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

IV. Việc thi hành án khoản tiền phạt và khoản tiền truy thu được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự:

"1. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

V. Về án phí:

- Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Hữu Q, Âu Đình T, Nguyễn Văn H1, Đặng Tiến C, Hoàng Phúc H2, Hoàng Hữu L, Mạn Văn H3, Triệu Kim T2, Triệu Phúc T3, Triệu Văn T4, Lèng Văn T5 – mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Kim T1.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

VI. Quyền kháng cáo: Các bị cáo - có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Thị V1, Đặng Thị H4, Triệu Phúc V2, Hoàng Hữu V3 - vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Triệu Thị Vang

Nơi nhận:
- VKSTBK: 1
- VKSCM: 3
- CACM: 2
- Các bị cáo: 12
- NCQLLQ: 4
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.